

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ S  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2018/HSST

Ngày: 28/10/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - PHÚ YÊN**

**Với t phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tôn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Thành – Cán bộ hưu trí
2. Bà Trần Thị Bích Thoa – Phó Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Phan Đình Phùng, thị xã S.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26 và 28 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1994 tại tỉnh K; Tên gọi khác: “Đen”; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn P, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1963; Vợ: Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1995; Con ruột 02 người, sinh năm 2012 và năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 10/8/2017, bị Công an thị xã S xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã chấp hành); Ngày 20/10/2017 bị Công an thị xã S xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau (chưa chấp hành); Nhân thân: Ngày 04/4/2012 bị

TAND thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 07/3/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1993 tại S, Phú Yên; Tên gọi khác: “Khị”; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Y, sinh năm 1965 và bà Võ Thị L, sinh năm 1969; Vợ con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T:* Ông Nguyễn Hương Q – Luật sư, Văn phòng Luật sư Phúc Luật, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*Người bị hại:* Trần Thị Kim P, sinh ngày 06/7/2002

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978 (mẹ) và ông Trần Khắc D, sinh năm 1980 (cha)

Đều trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tất cả đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Trịnh Ngọc L, sinh năm 1991

Trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S, Phú Yên

2. Lê Tấn P, sinh năm 1981

3. Lê Phạm Tùng S, sinh năm 1986

Đều trú tại: Thôn L, xã X, thị xã S, Phú Yên

4. Đỗ Hoàng H, sinh năm 1986

Trú tại: Khu phố D, phường X, thị xã S, Phú Yên

5. Võ Ngọc H, sinh năm 1998

6. Lê Minh L, sinh năm 1992

Đều trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S, Phú Yên

7. Trần Thị Phương Đ, sinh năm 1993

Trú tại: Số 78, đường H, thị trấn P, huyện P, Bình Định

8. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1988

Trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S, Phú Yên

Tất cả đều vắng mặt không có lý do.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 07/3/2018, Nguyễn Đức T gọi điện thoại yêu cầu Huỳnh Văn H (là lái xe taxi) chở T đi t phố Q, tỉnh B để mua ma túy đá đem về thị xã S sử dụng và bán lại kiếm lời. Do trước đó, H đã 07 lần chở T đi t phố Q mua ma túy, 03 lần được T cho sử dụng ma túy và chứng kiến việc T chia nhỏ ma túy ngay trên xe taxi, nhiều lần H dừng xe theo yêu cầu của T để T bán ma túy cho người khác nên H biết rõ mục đích mua bán ma túy của T, H đồng ý chở T đi. T rủ Trần Thị Kim P, sinh ngày 06/7/2002; Trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S cùng đi. H điều khiển xe taxi biển kiểm soát 78A-043.95 của hãng S Taxi chở T và P ra phường G, thành phố Q, tỉnh B. T dùng điện thoại có số thuê bao 01683947034 gọi cho Trương Đại K, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ 22C, Khu vực 5, phường G, thành phố Q, tỉnh B số thuê bao 0905433458 để mua 3.000.000 đồng ma túy đá. Khoảng 20 phút sau thì K điều khiển xe máy đến giao cho T một bịch ma túy đá và lấy số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe chở T và P về lại thị xã S. Trên đường đi, T lấy ma túy ra để T, H và P cùng sử dụng rồi dùng dụng cụ đã chuẩn bị sẵn phân nhỏ ma túy ra để bán. H nhìn qua gương ch hậu của xe thấy rõ việc T đang phân chia ma túy. Khi đến ngã ba L, xã X, thị xã S thì T yêu cầu H dừng xe để bán ma túy cho Lê Tấn P, nhưng do P không có tiền nên T không bán. Đến 19 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến khu phố P, phường X, thị xã S thì bị lực lượng Công an thị xã phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy nói trên.

Quá trình điều tra đủ căn cứ xác định Nguyễn Đức T bắt đầu hoạt động mua bán ma túy từ khoảng thời gian sau Tết Nguyên đán năm 2018 (16/2/2018) đến ngày bị bắt (7/3/2018). Trong khoản thời gian trên, T đã nhiều lần mua ma túy đá của Trương Đại K với số tiền khoảng 15.000.000 đồng từ thành phố Q về thị xã S sử dụng và bán ma túy cho các đối tượng sử dụng ma túy trên địa bàn thị xã S kiếm lời (theo lời khai của T). T thu lợi bất chính từ việc bán ma túy được số tiền là 7.000.000 đồng sử dụng tiêu xài, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 01/3/2018, H điều khiển xe chở T từ thành phố Q đến khu vực gần Trung tâm y tế thị xã S, H dừng xe để T bán ma túy cho Nguyễn Tấn P 01 lần với giá 500.000 đồng.

- T bán ma túy cho Lê Phạm Tùng S 03 lần với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, lần 1 vào khoảng 16 giờ ngày 19/02/2018 tại thôn N, xã X, thị xã S; lần 2 khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/02/2018 tại khu vực Đ, xã X, thị xã S; lần 3 khoảng 16 giờ ngày 01/3/2018 tại thôn N, xã X, thị xã S.

- Khoảng 21 giờ ngày 20/02/2018, H điều khiển xe chở T từ thành phố Q đến ngã ba thôn T, xã X, thị xã S; H dừng xe để T bán ma túy cho Đỗ Hoàng H 01 lần với giá 500.000 đồng.

- T bán ma túy cho Trịnh Ngọc L 02 lần với tổng số tiền là 1.000.000 đồng tại Khu phố L, phường X, thị xã S: lần 1 khoảng 22 giờ ngày 16/02/2018 và lần 2 khoảng 22 giờ ngày 19/02/2018. Trong đó Nguyễn Ngọc L góp 600.000 đồng để cùng L mua ma túy sử dụng chung.

- Trong khoảng thời gian từ giữa đến cuối tháng 02/2018, tại nhà nghỉ H thuộc Khu phố C, phường X, thị xã S, T đã bán ma túy cho Võ Ngọc Hóa 03 lần với tổng số tiền 1.500.000 đồng.

- Từ ngày 16/02/2018 đến ngày 07/3/2018, tại nhà nghỉ H thuộc khu phố C, phường X, thị xã S, T bán ma túy cho Lê Minh L 02 lần với tổng số tiền là 1.000.000 đồng.

- Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/02/2018, tại quán Karaoke L thuộc thôn T, xã X, thị xã S, T bán ma túy cho Trần Thị Phương Đ 01 lần với số tiền 500.000 đồng.

- Khoảng 16 giờ 30 phút, cuối tháng 02/2018, T bán ma túy cho Nguyễn Đăng V 01 lần với số tiền 500.000 đồng tại khu phố L, phường X, thị xã S.

Ngoài ra T còn khai nhận bán ma túy cho một số đối tượng khác, nhưng không rõ nhân thân lai lịch và vào ngày 06/3/2018, tại khu phố L, phường X và T có đưa ma túy cho Huỳnh Ngọc T sinh ngày 12/10/2001 sử dụng.

Ngoài hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nêu trên, quá trình điều tra đủ căn cứ xác định Nguyễn Đức T còn có hành vi giao cầu với Trần Thị Kim P (sinh ngày 06/7/2002) 02 lần tại nhà nghỉ H của chị Phạm Thị P thuộc khu phố C, phường X, thị xã S cụ thể:

- Lần thứ nhất: Do Nguyễn Đức T với Trần Thị Kim P có quan hệ yêu đương nên khoảng 20 giờ ngày 27/02/2018, T điện thoại cho P đến phòng số 06 nhà nghỉ H. Tại đây, T và P nói chuyện, khoảng 21 giờ cùng ngày thì T lấy ma túy đá để T và P cùng nhau sử dụng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức T với Trần Thị Kim P có quan hệ giao cầu lần đầu với nhau.

- Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 01/3/2018, tại phòng số 06 nhà nghỉ H, T và P cùng sử dụng ma túy. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức T với Trần Thị Kim P tiếp tục quan hệ giao cầu.

Tại bản kết luận giám định số 58/GĐ-PC54 ngày 08/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Tinh thể màu trắng trong 04 bì nilon do

Cơ quan CSĐT Công an thị xã S gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,623g, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 107/TD ngày 18/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Trần Thị Kim P có bộ phận sinh dục ngoài không xây xát. Màng trinh giãn rộng, có vết rách cũ vị trí 01 giờ, 04 giờ, 08 giờ.

Vật chứng vụ án: 04 (bốn) bì nilon nhựa màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) điện thoại di động màu trắng hồng, nhãn hiệu Vivo Y5 đã qua sử dụng cùng 02 (hai) sim số 01635439601 và 01683947034; 01 (một) nõ thủy tinh; 05 (năm) đoạn ống nhựa được hàn kín một đầu (loại ống hút nước mía); 02 (hai) kéo kim loại màu trắng; 01 (một) dụng cụ bằng kim loại màu trắng để gấp ráy tai; 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 50cm, tròn, cán có bọc nhựa đen; 01 (một) quẹt ga màu đen; 02 (hai) bình xịt màu xanh đen, trên bình xịt có ghi chữ American Style Nato Super – Paralisant; 01 (một) bình sang chiết ga mini ký hiệu BluFstar; 01 (một) súng bắn điện màu đen, trên súng có ký hiệu A.K2017.

Tại bản cáo trạng số 25/CT - VKS ngày 09/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo điểm a khoản 2 điều 145 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Kháng định cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 09/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”; Truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đúng pháp luật, nên giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 25/CT - VKS ngày 09/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”; Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Áp dụng Điều 55 BLHS buộc

bị cáo Nguyễn Đức T chấp hành hình phạt của 02 tội từ 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07/3/2018. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 BLHS phạt bị cáo Huỳnh Văn H từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo Nguyễn Đức T không có nghề nghiệp và bị cáo Huỳnh Văn H lái xe taxi khoán cho hãng Sao taxi thu nhập thấp và không ổn định, gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu trắng hồng, nhãn hiệu VivoY5 đã qua sử dụng. Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) sim số 01635439601 và 01683947034. Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) bì nilon nhựa màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng là 0.623g, loại Methamphetamine; 01 (một) nõ thủy tinh; 05 (năm) đoạn ống nhựa được hàn kín một đầu (loại ống hút nước mía); 02 (hai) kéo kim loại màu trắng; 01 (một) dụng cụ bằng kim loại màu trắng để gấp ráy tai; 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 50cm, tròn, cán có bọc nhựa đen; 01 (một) quẹt ga màu đen; 02 (hai) bình xịt màu xanh đen, trên bình xịt có ghi chữ American Style Nato Super – Paralisant; 01 (một) bình sang chiết ga mini ký hiệu BluFstar; 01 (một) súng bắn điện màu đen, trên súng có ký hiệu A.K2017. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T nộp lại số tiền 7.000.000 đồng thu lợi bất chính trong việc mua bán trái phép chất ma túy để thu nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện theo pháp luật của bị hại Trần Thị Kim P, Nguyễn Thị Đ, Trần Khắc D không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường gì, nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T khai: Do bị cáo nghiện ma túy từ trước, nên sau khi đến thị xã S, bị cáo thuê nhà nghỉ H để cư trú và đã liên hệ được với đối tượng Trương Đại K ở thành phố Q, tỉnh B là người bán ma túy, bị cáo đã nhiều lần thuê xe taxi của Huỳnh Văn H chở đi mua ma túy về thị xã S bán lại cho các con nghiện sử dụng lấy tiền sinh sống, tiêu xài cá nhân và cũng để ma túy cho bị cáo sử dụng. H biết bị cáo mua bán ma túy, bị cáo có cho H sử dụng ma túy không lấy tiền nhiều lần. Trong thời gian ở thị xã S bị cáo và bị hại P yêu nhau, bị cáo thấy thể hình P cao to như người đã trưởng thành, do vậy mà trong thời gian yêu nhau bị cáo và P có 02 lần cùng sử dụng ma túy rồi quan hệ tình dục tại nhà nghỉ H, nay biết được P chưa đủ 16 tuổi nên bị cáo rất hối hận. Bị cáo khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân thị xã S truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” là đúng tội của bị cáo, chứ không oan gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T khẳng định hành vi nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy và hành vi nhiều lần giao cấu với người từ 13 đến dưới 16 tuổi của bị cáo T là đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về 02 tội và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đề nghị Hội đồng xử phạt cáo là tương xứng với hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên bị cáo khai trong thời gian mua bán trái phép chất ma túy ngoài việc bị cáo lấy tiền này sinh sống cho mình, thì bị cáo cũng có xin tiền thêm của cha, mẹ bị cáo để sinh sống. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Văn H khai: Do quen biết với bị cáo T hơn nữa bị cáo lái xe khoán cho hãng S taxi nên khi T gọi điện chở đi thành phố Q mua ma túy thì bị cáo chở T đi để lấy tiền như một người khách. Trong 8 lần chở T đi thì lần đầu bị cáo không biết T mua ma túy, còn lại 07 lần sau đều biết và bị cáo cũng đã xin T cho bị cáo sử dụng ma túy 04 lần. Bị cáo thừa nhận bị cáo chở T đi mua ma túy để bán lại cho người khác sử dụng là vi phạm pháp luật. Nhưng do bị cáo chỉ chở đi lấy tiền như khách chứ không có mua bán với T hay người khác để hưởng lợi. Nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo T và H đều nhận tội, ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm về lo cho gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án.

Về sự vắng mặt của những người làm chứng: Quá trình điều tra đã có lời khai và được thẩm tra tại phiên tòa, nên không gây trở ngại cho việc xét xử, nên vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Đức T và Huỳnh Văn H tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng; phù hợp với kết luận giám định số 58/GĐ-PC54 ngày 03/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Yên kết luận: 04 (bốn) bì nilon do cơ quan Công an thị xã S gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,623g, loại Methamphetamine; phù hợp với kết luận giám định pháp y về tình dục số 107/TD ngày 18/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Trần Thị Kim P có bộ phận sinh dục ngoài không xây xát, màng trinh giãn rộng, có vết rách cũ vị trí 01 giờ, 04 giờ, 08 giờ; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/02/2018 đến ngày 07/3/2018, bị cáo Nguyễn Đức T nhiều lần gọi bị cáo Huỳnh Văn H lái xe cho hãng Sao taxi dùng xe taxi của hãng S do H chạy khoán chở bị cáo T đến thành phố Q gặp Trương Đại K mua ma túy về thị xã S bán lại cho Nguyễn Tấn P 01 lần 500.000 đồng, Lê Phạm Tùng S 03 lần 1.500.000 đồng, Đỗ Hoàng H 01 lần 500.000 đồng, Trịnh Ngọc L 02 lần 1.000.000 đồng (Trong đó Nguyễn Ngọc L góp 600.000 đồng nhờ L mua), Võ Ngọc H 03 lần 1.500.000 đồng, Lê Minh L 02 lần 1.000.000 đồng Trần Thị Phương Đ 01 lần 500.000 đồng, Nguyễn Đăng V 01 lần 500.000 đồng đồng thời trong khoảng thời gian này bị cáo Nguyễn Đức T còn quan hệ tình dục với bị hại Trần Thị Kim P, sinh ngày 06/7/2002, vào ngày 27/2/2018 thì P mới 15 tuổi 7 tháng 21 ngày tuổi, đến ngày 01/3/2018 bị cáo tiếp tục quan hệ tình dục với P. Vì vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* và phạm tội *“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”*. Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn H đủ yếu tố cấu thành tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 25/CT - VKS ngày 09/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* và tội *“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”* ; bị cáo Huỳnh Văn H về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gì cho các bị cáo.

Vụ án có 02 bị cáo:

[3] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Đức T thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, với 14 lần bán ma túy cho 8 đối tượng nghiện ma túy sử dụng thu lợi bất chính 7.000.000 đồng, hành vi này đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là pháp luật cấm. Nhưng để có tiền sinh sống, tiêu xài cá nhân và thoả mãn việc sử dụng ma túy, bị cáo đã bất chấp pháp luật. Bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi sử dụng ma túy đã bị cơ quan công an xử phạt hành chính, nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà tiếp tục mua bán trái phép và sử dụng ma túy. Nên cần xử lý nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nên giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo. Nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Đối với hành vi giao cấu với Trần Thị Kim P của bị cáo Nguyễn Đức T thấy rằng: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường cũng như sức khoẻ của bị hại, ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục. Mặc dù bị hại P tự nguyện cùng bị cáo giao cấu 02 lần, nhưng do bị hại chưa đủ 16 tuổi, nên hành vi của bị cáo cần xử lý nghiêm. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi biết bị hại còn nhỏ tuổi tỏ ra hối hận, hơn nữa hành vi giao cấu với bị hại chưa bị phát hiện, nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã tự khai ra là thuộc trường hợp tự thú, nên cần giảm nhẹ hình phạt và áp dụng mức hình phạt dưới khung liên kề cho bị cáo.

[5] Xét hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Huỳnh Văn H thấy rằng: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù bị cáo không phải là người trực tiếp mua bán chất ma túy với bị cáo Nguyễn Đức T, nhưng khi biết bị cáo T mua bán ma túy, bị cáo vẫn dùng xe taxi mà bị cáo đang chạy khoán cho hãng S taxi chở T nhiều lần đi mua và bán ma túy thu tiền xe và xin sử dụng, Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với vai trò giúp sức. Nên cần xử lý đúng tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không hưởng lợi gì trong việc bị cáo T mua bán ma túy, mà chỉ xin sử dụng. Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này chưa có lần phạm tội nào khác, có bà ngoại ruột được Nhà nước tặng Huân chương kháng

chiến hạng nhất. Nên áp dụng mức hình phạt thấp hơn bị cáo T và áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt liên kế xử lý để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo. Nhưng phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Đức T là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp. Bị cáo Huỳnh Văn H tuy hiện tại có nghề nghiệp lái xe taxi, nhưng chỉ lái xe nhận khoán nên thu nhập không ổn định, điều kiện gia đình khó khăn, nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với hành vi mua ma túy để sử dụng của Lê Tấn P, Lê Phạm Tùng S, Đỗ Hoàng H, Trịnh Ngọc L, Võ Ngọc H, Lê Minh L, Trần Thị Phương Đ, Nguyễn Ngọc L và các đối tượng được Nguyễn Đức T cho ma túy để sử dụng là Huỳnh Ngọc T, Trần Thị Kim P, Công an thị xã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ. Riêng đối với Nguyễn Đăng V chưa sử dụng ma túy nên chưa có căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính. Nên HĐXX không xét.

[8] Đối với Trương Đại K, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ 22C, KV5, phường G, thành phố Q, tỉnh B có hành vi bán ma túy cho Nguyễn Đức T, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S đã tiến hành xác minh, điều tra. Tuy nhiên, Kỳ không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi bán ma túy, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S đã thông báo và phối hợp với Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q, tỉnh B để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau. Nên HĐXX không xét.

[9] Đối với Phạm Thị P (là chủ nhà nghỉ H) không biết Nguyễn Đức T và Trần Thị Kim P thuê nhà nghỉ để sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý.

[10] Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màu trắng hồng, nhãn hiệu VivoY5 đã qua sử dụng. Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) sim số 01635439601 và 01683947034. Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) bì nilon nhựa màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng là 0,623g, loại Methamphetamine; 01 (một) nõ thủy tinh; 05 (năm) đoạn ống nhựa được hàn kín một đầu (loại ống hút nước mía); 02 (hai) kéo kim loại màu trắng; 01 (một) dụng cụ bằng kim loại màu trắng để gấp ráy tai; 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 50cm, tròn, cán có bọc nhựa đen; 01 (một) quẹt ga màu đen;

02 (hai) bình xịt màu xanh đen, trên bình xịt có ghi chữ American Style Nato Super – Paralisant; 01 (một) bình sang chiết ga mini ký hiệu BluFstar; 01 (một) súng bắn điện màu đen, trên súng có ký hiệu A.K2017. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T nộp lại số tiền 7.000.000 đồng thu lợi bất chính trong việc mua bán trái phép chất ma túy để thu nộp ngân sách nhà nước.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên chấp nhận.

Xét lời đề nghị của luật sư đề nghị HĐXX xem xét cân nhắc về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo Nguyễn Đức T: HĐXX thấy rằng bị cáo T không có nghề nghiệp, trong thời gian bị cáo mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo sử dụng tiền có được từ việc mua bán ma túy làm nguồn sống chính, không có thu nhập hợp pháp nào khác nên lời đề nghị của luật sư là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xét.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Huỳnh Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Tuyên bố:**

Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

Bị cáo Huỳnh Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a khoản 2 điều 145, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 điều 52, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Văn H.

### **Xử phạt:**

Bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chấp

hành hình phạt tù chung của 02 (hai) tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 07/3/2018.

Bị cáo Huỳnh Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Huỳnh Văn H.

Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu trắng hồng, nhãn hiệu VivoY5 đã qua sử dụng. Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) sim số 01635439601 và 01683947034. Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) bì nilon nhựa màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng là 0,623g, loại Methamphetamine ; 01 (một) nõ thủy tinh; 05 (năm) đoạn ống nhựa được hàn kín một đầu (loại ống hút nước mía); 02 (hai) kéo kim loại màu trắng; 01 (một) dụng cụ bằng kim loại màu trắng để gấp ráy tai; 01 (một) gậy ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 50cm, tròn, cán có bọc nhựa đen; 01 (một) quẹt ga màu đen; 02 (hai) bình xịt màu xanh đen, trên bình xịt có ghi chữ American Style Nato Super – Paralisant; 01 (một) bình sang chiết ga mini ký hiệu BluFstar; 01 (một) súng bắn điện màu đen, trên súng có ký hiệu A.K2017. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, Phú Yên).

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T nộp lại số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng thu lợi bất chính trong việc mua bán chất ma túy để thu nộp ngân sách nhà nước.

Trách nhiệm dân sự: Không xét.

Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Đức T và Huỳnh Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã S;
- Công an thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên Toà**

**Trần Văn Tôn**